

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-06-2024
“Về việc ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hải

2. Bà Đặng Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Huỳnh Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nông Minh H, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Đ.

Bị đơn: Trần Thị O, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nông Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị O tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước 04/10/2005. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan về điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó anh Nông Minh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị O.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Nông Minh V, sinh ngày 11/02/2006, Nông Minh Q, sinh ngày 25/09/2011. Sau khi ly hôn anh Nông Minh H đồng ý giao con Nông Minh Q cho chị Trần Thị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nông Minh V hiện nay đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị O trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Nông Minh H như anh Nông Minh H trình bày là đúng, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Nông Minh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Nông Minh V, sinh ngày 11/02/2006, Nông Minh Q, sinh ngày 25/09/2011, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nông Minh Quân cho đến khi thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nông Minh V hiện nay đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Minh Hải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Theo đơn khởi kiện của anh Nông Minh H yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị O, nơi cư trú của chị Trần Thị O tại thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án “Hôn nhân gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Nông Minh H và chị Trần Thị O tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước 04/10/2005. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nông Minh H và chị Trần Thị O là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nông Minh H thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn anh Nông Minh H và chị Trần Thị O chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan về điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó anh Nông Minh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị O. Bị đơn chị Trần Thị O cũng xác nhận tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Nông Minh H như anh Nông Minh H trình bày là

đúng, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Nông Minh H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nông Minh H và chị Trần Thị O đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thực tế thì từ năm 2021 đến nay anh Nông Minh H và chị Trần Thị O đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do đó mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nông Minh H là phù hợp.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Trần Thị O thấy rằng: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Nông Minh V, sinh ngày 11/02/2006, Nông Minh Q, sinh ngày 25/09/2011, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nông Minh Q cho đến khi thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, anh Nông Minh H cũng đồng ý giao theo yêu cầu của chị Trần Thị O, con chung của anh chị là Nông Minh Q cũng có nguyện vọng sau khi anh Nông Minh H và chị Trần Thị O ly hôn thì tiếp tục ở với mẹ là chị Trần Thị O nên cần giao con chung là Nông Minh Q cho chị Trần Thị O tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Minh H và chị Trần Thị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung là Nông Minh V hiện nay đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nông Minh H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nông Minh H, anh Nông Minh H được ly hôn với chị Trần Thị O.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Nông Minh Q, sinh ngày 25/09/2011 cho chị Trần Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Minh H và chị Trần Thị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Đối với con chung là Nông Minh V hiện nay đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Nông Minh H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo Biên lai thu số 0001353 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh

